

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

LIÊN ĐOÀN LUẬT SƯ VIỆT NAM

*(Phê duyệt kèm theo Quyết định số 1106/QĐ-BTP ngày 29/5/2009 của
Bộ trưởng Bộ Tư pháp)*

Ngày 10 tháng 10 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 46/SL về tổ chức đoàn thể luật sư. Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà năm 1946, 1959, nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1980, 1992 đều khẳng định vai trò, vị trí của hoạt động luật sư và quy định tổ chức luật sư được thành lập để giúp cá nhân, tổ chức bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, đồng thời góp phần bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Hơn nửa thế kỷ qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, cùng với những thắng lợi vẻ vang của cách mạng, của dân tộc và những bước phát triển của đất nước, đội ngũ luật sư Việt Nam đã vượt qua khó khăn thử thách để ngày càng tự khẳng định vai trò, vị trí của nghề luật sư trong xã hội. Ngày 29 tháng 6 năm 2006, Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI thông qua Luật Luật sư, trong đó tiếp tục khẳng định vai trò, vị trí của hoạt động luật sư, của tổ chức luật sư trong giai đoạn mới của sự nghiệp xây dựng đất nước và quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Liên đoàn luật sư Việt Nam.

Liên đoàn luật sư Việt Nam là tổ chức xã hội - nghề nghiệp thống nhất trong toàn quốc của các luật sư Việt Nam; tập hợp, đoàn kết, đại diện bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các luật sư và các Đoàn luật sư là thành viên của Liên đoàn; thực hiện chế độ tự quản của tổ chức xã hội - nghề nghiệp luật sư theo quy định của Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Liên đoàn dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam quy định về tổ chức, hoạt động của Liên đoàn luật sư Việt Nam, của Đoàn luật sư các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; quyền, nghĩa vụ của các thành viên Liên đoàn; quan hệ của Liên đoàn với các thành viên của mình, với các cơ quan, tổ chức có liên quan.

CHƯƠNG I

TÔN CHỈ, MỤC ĐÍCH, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA LIÊN ĐOÀN LUẬT SƯ VIỆT NAM

Điều 1. Tôn chỉ, mục đích của Liên đoàn luật sư Việt Nam

1. Liên đoàn luật sư Việt Nam đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các luật sư, Đoàn luật sư là thành viên của Liên đoàn; thực hiện chế độ tự quản của tổ chức luật sư trong phạm vi cả nước nhằm xây dựng các giá trị chuẩn mực của luật sư Việt Nam, phát triển đội ngũ luật sư có phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn đáp ứng nhu cầu của xã hội và yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam, thực hiện chức năng cao cả của nghề luật sư là góp phần bảo vệ công lý, phát triển kinh tế, xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

2. Liên đoàn luật sư Việt Nam là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, quan hệ với các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội khác theo quy định của Hiến pháp và pháp luật. Liên đoàn luật sư Việt Nam mở rộng quan hệ hợp tác với các tổ chức luật sư trên thế giới; tham gia các tổ chức quốc tế có hoạt động phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Liên đoàn.

Điều 2. Địa vị pháp lý của Liên đoàn luật sư Việt Nam

1. Liên đoàn luật sư Việt Nam là tổ chức xã hội - nghề nghiệp thống nhất trong toàn quốc của các Đoàn luật sư, các luật sư Việt Nam, có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản.

2. Biểu tượng của Liên đoàn luật sư Việt Nam là hình tròn nền xanh da trời, chính giữa là cán cân công lý gắn với hình tượng cuốn sách, hai bên mỗi bên có ba dải màu vàng, phía trên là ngôi sao vàng hình cờ Tổ quốc Việt Nam và dòng chữ Liên đoàn luật sư Việt Nam.

3. Tên giao dịch quốc tế của Liên đoàn luật sư Việt Nam là Vietnam Bar Federation (viết tắt là VBF).

4. Trụ sở của Liên đoàn luật sư Việt Nam đặt tại Hà Nội - Thủ đô nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Liên đoàn luật sư Việt Nam có thể thành lập cơ quan đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh, các khu vực khác trong nước tùy theo yêu cầu hoạt động của Liên đoàn và theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

Liên đoàn luật sư Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc dân chủ, bình đẳng; thiểu số phục tùng đa số; tự quản kết hợp với quản lý nhà nước; đảm bảo tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, Luật Luật sư và Điều lệ của Liên đoàn.

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Liên đoàn luật sư Việt Nam

1. Đại diện cho các Đoàn luật sư, luật sư Việt Nam trong quan hệ với các cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Liên đoàn.

2. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các luật sư, Đoàn luật sư là thành viên của Liên đoàn ở trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam theo quy định của pháp luật và của Điều lệ này.

3. Ban hành, giám sát việc tuân theo Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư.

4. Phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc ban hành, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện Quy chế tập sự hành nghề luật sư, kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư.

5. Tổ chức đào tạo nghề luật sư; bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng hành nghề cho luật sư.

6. Tổng kết, trao đổi kinh nghiệm hành nghề luật sư trong cả nước.

7. Quy định mẫu Thẻ luật sư; cấp, đổi, thu hồi Thẻ luật sư; quy định trang phục luật sư tham gia phiên tòa.

8. Quy định việc miễn, giảm thù lao luật sư, trợ giúp pháp lý miễn phí của luật sư, việc giải quyết tranh chấp liên quan đến thù lao, chi phí của luật sư.

9. Quy định phí đăng ký tập sự hành nghề luật sư, phí gia nhập Đoàn luật sư, phí thành viên của Đoàn luật sư, của Liên đoàn luật sư.

10. Kiểm tra tổ chức, hoạt động của Đoàn luật sư về việc thực hiện Điều lệ Liên đoàn; đình chỉ thi hành và yêu cầu sửa đổi một phần hoặc huỷ bỏ toàn bộ quy định, quyết định, nghị quyết, của Đoàn luật sư trái với Điều lệ của Liên đoàn.

11. Giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của Luật Luật sư và Điều lệ của Liên đoàn.

12. Tập hợp, phản ánh tâm tư, nguyện vọng, ý kiến đóng góp, kiến nghị của luật sư, Đoàn luật sư với các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

13. Tham gia xây dựng pháp luật, nghiên cứu khoa học pháp lý, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật.

14. Hợp tác quốc tế về luật sư và hành nghề luật sư theo quy định của pháp luật.

15. Quản lý, sử dụng tài sản của Liên đoàn luật sư theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Liên đoàn.

16. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và của Điều lệ này.

CHƯƠNG II

THÀNH VIÊN CỦA LIÊN ĐOÀN LUẬT SƯ VIỆT NAM

Điều 5. Cơ cấu thành viên của Liên đoàn luật sư Việt Nam

1. Thành viên của Liên đoàn luật sư Việt Nam là các Đoàn luật sư và các luật sư Việt Nam.

2. Liên đoàn luật sư Việt Nam (sau đây gọi tắt là Liên đoàn luật sư) có thành viên danh dự là cá nhân không phải là luật sư.

MỤC I. LUẬT SƯ

Điều 6. Tư cách thành viên Liên đoàn luật sư của luật sư

1. Luật sư là thành viên đương nhiên của Liên đoàn luật sư, tham gia Liên đoàn thông qua Đoàn luật sư nơi mình gia nhập.

2. Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư có trách nhiệm đại diện quyền, lợi ích của luật sư trong Đoàn và tạo điều kiện để luật sư thực hiện quyền, nghĩa vụ thành viên Liên đoàn luật sư theo quy định của Điều lệ Liên đoàn.

Điều 7. Quyền, nghĩa vụ của luật sư

Với tư cách là thành viên của Liên đoàn luật sư, luật sư có các quyền, nghĩa vụ sau đây:

1. Quyền của luật sư:

a) Đề nghị Liên đoàn luật sư đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp trong hoạt động hành nghề;

b) Tự ứng cử, được giới thiệu ứng cử, giới thiệu người ứng cử đại biểu tham dự Đại hội đại biểu luật sư toàn quốc, tham gia các cơ quan của Liên đoàn

luật sư; được Liên đoàn luật sư giới thiệu ứng cử vào các cơ quan dân cử, cơ quan của các tổ chức xã hội khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ của các tổ chức;

c) Tham gia các hoạt động của Liên đoàn luật sư; đề xuất ý kiến về việc củng cố, phát triển tổ chức, hoạt động của Liên đoàn;

d) Được Liên đoàn luật sư bồi dưỡng về nghiệp vụ chuyên môn;

đ) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này.

2. Nghĩa vụ của luật sư:

a) Chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ, các nghị quyết, quyết định của Liên đoàn luật sư và của Đoàn luật sư mà mình là thành viên;

b) Tham gia phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý miễn phí theo quy định của Liên đoàn luật sư;

c) Tham gia đầy đủ chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn theo quy định của Liên đoàn luật sư;

d) Tích cực tham gia hoạt động của Liên đoàn luật sư; đoàn kết, hợp tác với các luật sư khác để thực hiện tôn chỉ, mục đích của Liên đoàn luật sư;

đ) Giữ gìn uy tín của Liên đoàn luật sư, luật sư Việt Nam;

e) Nộp phí thành viên đầy đủ và đúng kỳ hạn;

g) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này.

Điều 8. Gia nhập Đoàn luật sư

1. Người có Chứng chỉ hành nghề luật sư là thành viên của Đoàn luật sư kể từ ngày được gia nhập Đoàn luật sư. Thủ tục gia nhập Đoàn luật sư được thực hiện theo quy định của Luật luật sư.

2. Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư từ chối việc gia nhập Đoàn luật sư trong các trường hợp sau đây:

a) Người nộp hồ sơ gia nhập Đoàn luật sư thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 17 của Luật Luật sư;

b) Người nộp hồ sơ gia nhập Đoàn luật sư đã bị thi hành kỷ luật bằng hình thức xoá tên khỏi danh sách luật sư của Đoàn luật sư mà chưa hết thời hạn ba năm, kể từ ngày quyết định thi hành kỷ luật có hiệu lực.

3. Người đã gia nhập Đoàn luật sư được Liên đoàn luật sư cấp Thẻ luật sư theo đề nghị của Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư và là thành viên của Liên đoàn kể từ ngày được cấp Thẻ luật sư.

Điều 9. Thẻ luật sư

1. Thẻ luật sư là giấy chứng nhận tư cách thành viên của Đoàn luật sư và thành viên của Liên đoàn luật sư.

2. Ban Thường vụ Liên đoàn luật sư quy định về nội dung, hình thức và thủ tục cấp Thẻ luật sư.

Điều 10. Rút tên khỏi danh sách luật sư của Đoàn luật sư, chuyển Đoàn luật sư

1. Việc rút tên khỏi danh sách luật sư của Đoàn luật sư do Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư xem xét, quyết định. Thủ tục rút tên khỏi danh sách luật sư của Đoàn luật sư do Điều lệ Đoàn luật sư quy định.

2. Luật sư bị từ chối rút tên khỏi danh sách luật sư của Đoàn luật sư nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Đang trong quá trình bị xem xét kỷ luật;

b) Đang trong thời gian chấp hành hình thức kỷ luật tạm đình chỉ tư cách thành viên Đoàn luật sư; trong thời hạn sáu tháng kể từ ngày quyết định kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo có hiệu lực;

c) Đang trong quá trình giải quyết tranh chấp với khách hàng, luật sư hoặc tổ chức hành nghề luật sư;

d) Đang trong quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến hoạt động hành nghề luật sư.

3. Luật sư muốn chuyển từ Đoàn luật sư này sang Đoàn luật sư khác phải rút tên khỏi danh sách luật sư của Đoàn luật sư mà mình đang là thành viên theo quy định tại khoản 1 Điều này và làm thủ tục gia nhập Đoàn luật sư mới theo quy định tại Điều 8 của Điều lệ này.

Điều 11. Đổi, cấp lại, thu hồi Thẻ luật sư

1. Thẻ luật sư được đổi trong trường hợp bị mất giá trị sử dụng vì lý do kỹ thuật. Thẻ luật sư được cấp lại trong trường hợp bị mất thẻ hoặc thẻ bị tiêu hủy vì nguyên nhân kỹ thuật.

2. Thẻ luật sư bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:

a) Bị Đoàn luật sư xử lý kỷ luật bằng hình thức xoá tên khỏi danh sách luật sư của Đoàn luật sư;

b) Bị Bộ Tư pháp thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư.

Ban Thường vụ Liên đoàn luật sư quyết định việc thu hồi Thẻ luật sư.

3. Thủ tục đổi, cấp lại, thu hồi Thẻ luật sư được thực hiện theo hướng dẫn của Ban Thường vụ Liên đoàn luật sư.

Điều 12. Trang phục của luật sư tham gia phiên tòa

1. Trang phục của luật sư khi tham gia phiên tòa phải bảo đảm các yêu cầu trang nghiêm, lịch sự, thuận tiện và thống nhất.

2. Hội đồng luật sư toàn quốc quy định về mẫu trang phục luật sư tham gia phiên tòa sau khi tham khảo ý kiến của các Đoàn luật sư và các luật sư.

MỤC II. ĐOÀN LUẬT SƯ

Điều 13. Tư cách thành viên Liên đoàn luật sư của Đoàn luật sư

Đoàn luật sư là thành viên đương nhiên của Liên đoàn luật sư. Đại diện cho Đoàn luật sư trong quan hệ với Liên đoàn luật sư là Chủ nhiệm Đoàn luật sư.

Điều 14. Quyền, nghĩa vụ của Đoàn luật sư

Với tư cách là thành viên của Liên đoàn luật sư, Đoàn luật sư có các quyền, nghĩa vụ sau đây:

1. Quyền của Đoàn luật sư:

a) Đề nghị Liên đoàn luật sư bảo vệ khi quyền, lợi ích hợp pháp bị xâm phạm;

b) Bầu cử luật sư của Đoàn luật sư tham gia Đại hội đại biểu luật sư toàn quốc;

c) Giới thiệu luật sư vào danh sách ứng cử viên bầu vào các cơ quan và các chức danh lãnh đạo của Liên đoàn luật sư;

d) Tham gia các hoạt động của Liên đoàn luật sư; đề xuất ý kiến về việc củng cố, phát triển tổ chức, hoạt động của Liên đoàn luật sư;

đ) Được Liên đoàn luật sư hỗ trợ khi có khó khăn trong tổ chức, hoạt động;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Nghĩa vụ của Đoàn luật sư:

- a) Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, Điều lệ, các nghị quyết, quyết định của Liên đoàn luật sư;
- b) Tham gia phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật;
- c) Tham gia các hoạt động của Liên đoàn luật sư theo sự phân công của Liên đoàn;
- d) Đoàn kết, hợp tác với các Đoàn luật sư khác để thực hiện tôn chỉ, mục đích của Liên đoàn luật sư;
- đ) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 15. Đại hội luật sư của Đoàn luật sư

1. Đại hội luật sư là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đoàn luật sư. Đại hội luật sư được triệu tập theo hình thức Đại hội toàn thể luật sư. Đối với Đoàn luật sư có từ 300 luật sư trở lên thì có thể tổ chức Đại hội đại biểu luật sư. Số lượng và thể thức lựa chọn đại biểu tham gia Đại hội đại biểu luật sư do Điều lệ Đoàn luật sư quy định.

2. Đại hội luật sư bao gồm Đại hội hàng năm và Đại hội nhiệm kỳ 5 năm. Ngoài ra Đại hội có thể được triệu tập bất thường theo đề nghị của Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư, của ít nhất là một nửa số luật sư của Đoàn luật sư; hoặc theo đề nghị của Ban Thường vụ Liên đoàn luật sư, của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Đại hội luật sư được coi là hợp lệ nếu có ít nhất hai phần ba số thành viên của Đoàn luật sư (đối với Đại hội toàn thể luật sư) hoặc ít nhất hai phần ba số đại biểu được triệu tập (đối với Đại hội đại biểu luật sư) tham dự.

3. Đại hội luật sư nhiệm kỳ gồm những nội dung sau đây:

- a) Thảo luận, thông qua báo cáo tổng kết hoạt động hành nghề của luật sư, hoạt động của Đoàn luật sư trong nhiệm kỳ và phương hướng, kế hoạch hoạt động của nhiệm kỳ tới;
- b) Xem xét việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ (nếu có);
- c) Bầu Ban Chủ nhiệm, Chủ nhiệm, Hội đồng khen thưởng, kỷ luật của Đoàn luật sư;
- d) Thông qua báo cáo tài chính của nhiệm kỳ;
- đ) Nội dung khác theo đề nghị của Ban Chủ nhiệm.

4. Đại hội luật sư hàng năm có những nội dung sau đây:

a) Thảo luận, thông qua báo cáo tổng kết hoạt động hành nghề của luật sư, hoạt động của Đoàn luật sư trong năm và phương hướng năm tới;

b) Bầu bổ sung thành viên Ban Chủ nhiệm, thành viên Hội đồng khen thưởng, kỷ luật (nếu có);

c) Thông qua báo cáo tài chính của năm;

d) Nội dung khác theo đề nghị của Ban Chủ nhiệm.

5. Nghị quyết và các quyết định của Đại hội luật sư được thông qua khi có quá một phần hai số đại biểu có mặt tán thành.

6. Điều lệ Đoàn luật sư quy định chi tiết về Đại hội luật sư của Đoàn luật sư.

7. Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư có trách nhiệm báo cáo Liên đoàn luật sư, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi Đoàn luật sư thành lập về việc tổ chức Đại hội luật sư và kết quả của Đại hội.

8. Điều lệ Đoàn luật sư đã được Đại hội luật sư thông qua phải có ý kiến của Liên đoàn luật sư trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

Điều 16. Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư

1. Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư là cơ quan chấp hành của Đại hội luật sư, do Đại hội bầu ra với nhiệm kỳ là 5 năm.

Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư có Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm và có thể có một số thành viên khác. Số lượng Phó Chủ nhiệm, thành viên khác của Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư do Đại hội luật sư quyết định căn cứ vào Điều lệ của Đoàn luật sư.

Quyết định của Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư được thông qua khi có quá một phần hai thành viên của Ban Chủ nhiệm tán thành.

2. Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Quyết định chấp nhận hoặc từ chối việc đăng ký tập sự hành nghề luật sư, việc gia nhập Đoàn luật sư, việc rút tên khỏi danh sách luật sư của Đoàn luật sư;

b) Giám sát việc tuân theo Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp của luật sư;

c) Giám sát hoạt động của các tổ chức hành nghề luật sư, luật sư hành nghề với tư cách cá nhân tại địa phương;

d) Hoà giải tranh chấp có liên quan đến hành nghề giữa luật sư với luật sư, giữa luật sư với tổ chức hành nghề luật sư; giữa các tổ chức hành nghề luật sư với nhau; giữa khách hàng với luật sư; giữa khách hàng với tổ chức hành nghề luật sư;

đ) Xem xét và quyết định kỷ luật đối với luật sư;

e) Tổ chức tổng kết, trao đổi kinh nghiệm, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn và thực hiện các biện pháp khác nhằm nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn cho luật sư;

g) Tổ chức lấy ý kiến và tập hợp ý kiến đóng góp của luật sư trong việc xây dựng chính sách, pháp luật;

h) Tổ chức, phân công luật sư của Đoàn luật sư tham gia các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý miễn phí;

i) Báo cáo Liên đoàn luật sư, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về tổ chức, hoạt động của Đoàn luật sư và danh sách luật sư của Đoàn theo quy định của pháp luật và theo hướng dẫn của Ban Thường vụ Liên đoàn luật sư;

k) Nhiệm vụ, quyền hạn khác do Điều lệ của Đoàn luật sư quy định.

3. Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư có trách nhiệm gửi cho Liên đoàn luật sư, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Đoàn luật sư thành lập nghị quyết, quyết định của Đoàn luật sư khi được yêu cầu.

4. Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Vi phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định của Điều lệ Đoàn luật sư, Điều lệ Liên đoàn luật sư; xâm hại lợi ích của Đoàn luật sư;

b) Thực hiện các hành vi bị pháp luật nghiêm cấm hoặc vi phạm nghiêm trọng các quy định khác của pháp luật;

c) Không còn sự tín nhiệm của ít nhất một phần hai số thành viên Đoàn luật sư.

Đại hội luật sư quyết định việc bãi nhiệm Ban chủ nhiệm Đoàn luật sư.

Điều 17. Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm, thành viên khác của Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư

1. Chủ nhiệm Đoàn luật sư do Đại hội luật sư của Đoàn luật sư bầu ra trong số các luật sư đã được Đại hội bầu vào Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư.

Nhiệm kỳ của Chủ nhiệm Đoàn luật sư trùng với nhiệm kỳ của Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư.

Chủ nhiệm Đoàn luật sư có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- a) Đại diện và chịu trách nhiệm chung về mọi mặt hoạt động của Đoàn luật sư;
- b) Phân công và điều hành hoạt động của Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư trong việc tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội luật sư;
- c) Triệu tập và chủ trì cuộc họp của Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư;
- d) Nhiệm vụ, quyền hạn khác do Điều lệ Đoàn luật sư quy định.

2. Phó Chủ nhiệm Đoàn luật sư do Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư bầu ra trong số thành viên của Ban Chủ nhiệm.

3. Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm, thành viên khác của Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư bị miễn nhiệm nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- b) Xin rút khỏi chức danh đang đảm nhiệm;
- c) Vì lý do sức khỏe hoặc lý do khác mà không thể thực hiện được nhiệm vụ.

4. Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm, thành viên khác của Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư bị bãi nhiệm nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây :

a) Vi phạm đặc biệt nghiêm trọng Điều lệ Đoàn luật sư, Điều lệ Liên đoàn luật sư trong khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của mình; xâm hại lợi ích của Đoàn luật sư;

b) Vi phạm nghiêm trọng pháp luật về luật sư, hành nghề luật sư, tổ chức xã hội-nghề nghiệp của luật sư, các quy định khác của pháp luật;

c) Không còn sự tín nhiệm của ít nhất một phần hai số thành viên của Đoàn luật sư;

d) Bị xử lý kỷ luật bằng hình thức tạm đình chỉ tư cách thành viên hoặc xoá tên khỏi danh sách luật sư của Đoàn luật sư;

đ) Bị tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề luật sư;

e) Bị kết án và bản án đã có hiệu lực.

5. Đại hội luật sư quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm, thành viên khác của Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư.

6. Điều lệ Đoàn luật sư quy định chi tiết thủ tục bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm, thành viên khác của Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư

Điều 18. Hội đồng khen thưởng, kỷ luật của Đoàn luật sư

1. Hội đồng khen thưởng, kỷ luật của Đoàn luật sư do Đại hội luật sư bầu ra theo nhiệm kỳ của Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư.

2. Hội đồng khen thưởng, kỷ luật gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch do Hội đồng bầu ra trong số các thành viên của Hội đồng và các thành viên khác. Số lượng thành viên của Hội đồng khen thưởng, kỷ luật do Đại hội luật sư quyết định căn cứ Điều lệ của Đoàn luật sư.

Trình tự, thủ tục bầu Hội đồng khen thưởng, kỷ luật, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng khen thưởng, kỷ luật Đoàn luật sư do Điều lệ Đoàn luật sư quy định.

3. Hội đồng khen thưởng, kỷ luật xem xét và đề nghị Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư quyết định các hình thức khen thưởng, kỷ luật của Đoàn luật sư đối với luật sư, hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền khen thưởng luật sư, tổ chức hành nghề luật sư, Đoàn luật sư.

Hội đồng khen thưởng, kỷ luật làm việc theo nguyên tắc tập thể và quyết định theo đa số.

4. Điều lệ Đoàn luật sư quy định về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội đồng khen thưởng, kỷ luật, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng khen thưởng, kỷ luật của Đoàn luật sư.

Điều 19. Cơ quan giúp việc của Đoàn luật sư

Đoàn luật sư có thể có các bộ phận chuyên môn giúp Ban Chủ nhiệm và Hội đồng khen thưởng, kỷ luật. Số lượng, hình thức tổ chức và chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận chuyên môn do Điều lệ Đoàn luật sư quy định.

Điều 20. Tổ chức cơ sở của Đoàn luật sư

Đoàn luật sư có từ 300 luật sư trở lên thì tổ chức các đơn vị cơ sở.

Hình thức tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị cơ sở do Điều lệ Đoàn luật sư quy định.

MỤC III. THÀNH VIÊN DANH DỰ CỦA LIÊN ĐOÀN LUẬT SƯ

Điều 21. Điều kiện là thành viên danh dự của Liên đoàn luật sư

Luật sư đã thôi hành nghề luật sư, cá nhân khác có thể được công nhận là thành viên danh dự của Liên đoàn luật sư nếu có công lao lớn trong sự nghiệp xây dựng, phát triển tổ chức, hoạt động luật sư ở Việt Nam, có uy tín rộng rãi trong giới luật sư Việt Nam.

Hội đồng luật sư toàn quốc quyết định việc công nhận thành viên danh dự của Liên đoàn luật sư.

Điều 22. Quyền, nghĩa vụ của thành viên danh dự của Liên đoàn luật sư

Thành viên danh dự của Liên đoàn luật sư được mời tham dự và tham gia ý kiến tại Đại hội đại biểu luật sư toàn quốc; được mời tham dự cuộc họp của Hội đồng luật sư toàn quốc trong một số trường hợp cần thiết; được xét khen thưởng, tặng danh hiệu vinh dự của Liên đoàn luật sư. Thành viên danh dự không được tham gia biểu quyết, không được đề cử, ứng cử vào các cơ quan của Liên đoàn luật sư.

CHƯƠNG III

CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA LIÊN ĐOÀN LUẬT SƯ

Điều 23. Các cơ quan của Liên đoàn luật sư

1. Đại hội đại biểu luật sư toàn quốc là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Liên đoàn luật sư.

2. Hội đồng luật sư toàn quốc là cơ quan lãnh đạo của Liên đoàn luật sư giữa hai kỳ Đại hội đại biểu luật sư toàn quốc.

3. Ban Thường vụ Liên đoàn luật sư là cơ quan điều hành công việc của Liên đoàn giữa hai kỳ họp của Hội đồng luật sư toàn quốc.

4. Văn phòng Liên đoàn luật sư và các Ủy ban chuyên môn là cơ quan giúp việc của Liên đoàn luật sư.

Điều 24. Đại hội đại biểu luật sư toàn quốc

1. Đại hội đại biểu luật sư toàn quốc do Hội đồng luật sư toàn quốc triệu tập 5 năm một lần. Đại hội có thể được triệu tập bất thường khi có yêu cầu của ít

nhất hai phần ba số Ủy viên Hội đồng luật sư toàn quốc, hoặc yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Đại hội đại biểu luật sư toàn quốc được coi là hợp lệ nếu có ít nhất hai phần ba số đại biểu được triệu tập tham dự.

2. Đại hội đại biểu luật sư toàn quốc có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thảo luận báo cáo của Hội đồng luật sư toàn quốc về kết quả thực hiện nghị quyết nhiệm kỳ qua; quyết định phương hướng hoạt động của Liên đoàn luật sư nhiệm kỳ tiếp theo;

b) Xem xét việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ (nếu có);

c) Bầu Ủy viên Hội đồng luật sư toàn quốc;

d) Thảo luận và quyết định các vấn đề quan trọng khác theo đề nghị của Hội đồng luật sư toàn quốc hoặc của Ban Thường vụ Liên đoàn luật sư.

3. Nghị quyết Đại hội đại biểu luật sư toàn quốc được thông qua khi được quá một phần hai số đại biểu tham dự Đại hội biểu quyết tán thành.

4. Hội đồng luật sư toàn quốc quy định cho từng kỳ Đại hội đại biểu luật sư toàn quốc về thành phần tham dự Đại hội, thủ tục tiến hành Đại hội và những vấn đề khác có liên quan đến việc tổ chức Đại hội.

Điều 25. Hội đồng luật sư toàn quốc

1. Thành phần Hội đồng luật sư toàn quốc bao gồm:

a) Các Ủy viên đương nhiên là Chủ nhiệm các Đoàn luật sư. Trong trường hợp Chủ nhiệm Đoàn luật sư vì lý do sức khỏe hoặc lý do khác mà không thể tham gia Hội đồng hoặc xin rút khỏi Hội đồng thì Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư cử một Phó Chủ nhiệm của Đoàn luật sư đó tham gia Hội đồng;

b) Các Ủy viên do Đại hội đại biểu luật sư toàn quốc bầu. Số lượng Ủy viên do Đại hội bầu không quá một phần hai số lượng Ủy viên đương nhiên của Hội đồng luật sư toàn quốc.

2. Hội đồng luật sư toàn quốc có nhiệm kỳ theo nhiệm kỳ của Đại hội đại biểu luật sư toàn quốc.

3. Hội đồng luật sư toàn quốc có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Ban hành Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư;

b) Quyết định những chủ trương, biện pháp nhằm thực hiện nghị quyết và các quyết định của Đại hội đại biểu luật sư toàn quốc; quyết định chương trình hoạt động hàng năm của Liên đoàn luật sư;

c) Giới thiệu luật sư vào danh sách ứng cử viên bầu vào Hội đồng luật sư toàn quốc nhiệm kỳ mới;

d) Quyết định số lượng Ủy viên Ban Thường vụ; bầu Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký, các Ủy viên Ban Thường vụ Liên đoàn luật sư; miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký, Ủy viên Ban Thường vụ Liên đoàn, Ủy viên Hội đồng luật sư toàn quốc;

đ) Quyết định việc triệu tập Đại hội đại biểu luật sư toàn quốc;

e) Quy định mức phí thành viên của Liên Đoàn luật sư; thông qua báo cáo tài chính và dự toán thu chi hàng năm của Liên đoàn;

g) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ này hoặc do Đại hội đại biểu luật sư toàn quốc giao.

3. Hội đồng luật sư toàn quốc họp thường kỳ một năm ít nhất hai lần theo triệu tập của Ban Thường vụ Liên đoàn luật sư. Hội đồng luật sư toàn quốc có thể họp bất thường khi có ít nhất hai phần ba số Ủy viên Ban Thường vụ Liên đoàn hoặc một phần ba số Ủy viên Hội đồng yêu cầu.

Các cuộc họp của Hội đồng luật sư toàn quốc được coi là hợp lệ khi có ít nhất hai phần ba số Ủy viên Hội đồng tham gia.

4. Nghị quyết của Hội đồng luật sư toàn quốc phải được quá một phần hai số Ủy viên của Hội đồng có mặt tại cuộc họp biểu quyết tán thành.

5. Hội đồng luật sư toàn quốc bị bãi nhiệm nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây :

a) Vi phạm đặc biệt nghiêm trọng Điều lệ của Liên đoàn luật sư khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng;

b) Có hành vi xâm hại lợi ích của Liên đoàn luật sư, của giới luật sư Việt Nam, xâm phạm an ninh quốc gia, lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng;

c) Không còn sự tín nhiệm của ít nhất một phần hai các Đoàn luật sư.

Đại hội đại biểu luật sư toàn quốc quyết định việc bãi nhiệm Hội đồng luật

sư toàn quốc.

Điều 26. Ban Thường vụ Liên đoàn luật sư

1. Ban Thường vụ Liên đoàn luật sư có nhiệm vụ điều hành công việc của Liên đoàn giữa hai kỳ họp của Hội đồng luật sư toàn quốc.

2. Ban Thường vụ Liên đoàn luật sư do Hội đồng luật sư toàn quốc bầu ra trong số Ủy viên của Hội đồng. Ban Thường vụ Liên đoàn luật sư gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký Liên đoàn và các Ủy viên khác. Số lượng Ủy viên của Ban Thường vụ do Hội đồng luật sư toàn quốc quyết định và không vượt quá 21 Ủy viên.

3. Ban Thường vụ Liên đoàn luật sư có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Quy định về tổ chức, nhiệm vụ cụ thể của các cơ quan giúp việc của Liên đoàn, các đơn vị chuyên môn trực thuộc Liên đoàn;

b) Phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc ban hành Quy chế tập sự hành nghề luật sư, tổ chức kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư;

c) Tổ chức giám sát việc tuân thủ Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư;

d) Kiểm tra tổ chức, hoạt động của Đoàn luật sư;

đ) Hướng dẫn nội dung và tổ chức bồi dưỡng về kiến thức pháp luật, kỹ năng hành nghề; bồi dưỡng, giáo dục về chính trị, đạo đức nghề nghiệp cho luật sư;

e) Quy định cụ thể nghĩa vụ tham gia trợ giúp pháp lý miễn phí của các luật sư; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy định này;

g) Giải quyết khiếu nại của luật sư theo quy định của Luật Luật sư và của Điều lệ này;

h) Tổ chức tổng kết, trao đổi kinh nghiệm hành nghề luật sư và thực hiện các biện pháp khác nhằm nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ luật sư trong cả nước;

i) Tập hợp và phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng, ý kiến đóng góp của luật sư với Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

k) Tổ chức đề luật sư tham gia xây dựng pháp luật, nghiên cứu khoa học pháp lý, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật;

l) Thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế của Liên đoàn luật sư;

m) Gửi Bộ Tư pháp báo cáo về tình hình tổ chức, hoạt động của luật sư, của các Đoàn luật sư và của Liên đoàn luật sư hàng năm, các nghị quyết, quyết định của Liên đoàn luật sư Việt Nam theo quy định của pháp luật;

n) Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ này hoặc do Hội đồng luật sư toàn quốc giao.

Điều 27. Chủ tịch Liên đoàn luật sư

1. Chủ tịch Liên đoàn luật sư do Hội đồng luật sư toàn quốc bầu ra trong số Ủy viên Ban Thường vụ Liên đoàn và theo nhiệm kỳ của Hội đồng. Chủ tịch Liên đoàn luật sư là Chủ tịch Hội đồng luật sư toàn quốc. Một luật sư chỉ được bầu là Chủ tịch Liên đoàn luật sư nhiều nhất là hai nhiệm kỳ liên tiếp.

2. Chủ tịch Liên đoàn luật sư có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Đại diện và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động của Liên đoàn;

b) Chịu trách nhiệm trước Đại hội đại biểu luật sư toàn quốc, Hội đồng luật sư toàn quốc về hoạt động của Liên đoàn;

c) Lãnh đạo, phân công việc tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết và các quyết định của Đại hội đại biểu luật sư toàn quốc, các quyết định của Hội đồng luật sư toàn quốc, của Ban Thường vụ Liên đoàn và giám sát mọi hoạt động của Liên đoàn;

d) Triệu tập và chủ trì cuộc họp của Hội đồng luật sư toàn quốc, Ban Thường vụ Liên đoàn luật sư;

đ) Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ này.

3. Phó Chủ tịch Liên đoàn luật sư do Hội đồng luật sư toàn quốc bầu ra trong số Ủy viên Ban Thường vụ Liên đoàn. Phó Chủ tịch Liên đoàn luật sư là Phó Chủ tịch Hội đồng luật sư toàn quốc. Phó Chủ tịch Liên đoàn luật sư phụ trách các lĩnh vực công tác theo sự phân công của Ban Thường vụ Liên đoàn và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch và Ban Thường vụ về các lĩnh vực công tác được giao.

Số lượng Phó Chủ tịch Liên đoàn luật sư do Hội đồng luật sư toàn quốc quyết định.

Điều 28. Tổng Thư ký Liên đoàn luật sư

1. Tổng Thư ký Liên đoàn luật sư do Hội đồng luật sư toàn quốc bầu ra trong số Ủy viên Ban Thường vụ Liên đoàn. Tổng Thư ký có thể do một Phó Chủ tịch Liên đoàn kiêm nhiệm theo quyết định của Hội đồng luật sư toàn quốc. Tổng Thư ký chịu trách nhiệm trước Hội đồng luật sư toàn quốc, Ban Thường vụ Liên đoàn luật sư, Chủ tịch Liên đoàn luật sư và trước pháp luật về việc điều hành hoạt động của các cơ quan giúp việc của Liên đoàn.

2. Tổng Thư ký có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- a) Là người phát ngôn chính thức của Liên đoàn luật sư;
- b) Điều hành sự phối hợp giữa các cơ quan giúp việc của Liên đoàn luật sư trong việc triển khai các hoạt động của Liên đoàn;
- c) Tổ chức thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ Liên đoàn luật sư;
- d) Chỉ đạo hoạt động của Văn phòng Liên đoàn luật sư;
- đ) Được ủy quyền chủ tài khoản của Liên đoàn;
- e) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Liên đoàn luật sư.

3. Phó Tổng Thư ký Liên đoàn luật sư do Chủ tịch Liên đoàn bổ nhiệm theo đề nghị của Tổng Thư ký.

Điều 29. Miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh lãnh đạo của Liên đoàn luật sư

1. Ủy viên Hội đồng luật sư toàn quốc, Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký Liên đoàn luật sư bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a) Mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- b) Xin rút khỏi chức danh mà mình đang đảm nhiệm;
- c) Vì lý do sức khỏe hoặc lý do khác mà không thể thực hiện được nhiệm vụ.

Hội đồng luật sư toàn quốc quyết định việc miễn nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký, Ủy viên Ban Thường vụ Liên đoàn luật sư, Ủy viên Hội đồng luật sư toàn quốc.

2. Ủy viên Hội đồng luật sư toàn quốc, Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ tịch,

Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký Liên đoàn luật sư bị bãi nhiệm nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Vi phạm đặc biệt nghiêm trọng Điều lệ Liên đoàn luật sư khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình; xâm hại lợi ích của Liên đoàn luật sư;

b) Vi phạm nghiêm trọng pháp luật về luật sư, hành nghề luật sư, tổ chức xã hội-nghề nghiệp của luật sư, các quy định khác của pháp luật;

c) Không còn có sự tín nhiệm của ít nhất một phần hai các Đoàn luật sư;

d) Bị xử lý kỷ luật bằng hình thức tạm đình chỉ tư cách thành viên hoặc xóa tên khỏi danh sách luật sư của Đoàn luật sư;

đ) Bị tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề luật sư;

e) Bị kết án và bản án đã có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng luật sư toàn quốc quyết định việc bãi nhiệm Ủy viên Hội đồng luật sư toàn quốc, Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký Liên đoàn luật sư.

Điều 30. Văn phòng Liên đoàn luật sư

1. Văn phòng Liên đoàn luật sư là cơ quan giúp việc của Liên đoàn. Văn phòng Liên đoàn luật sư có Chánh Văn phòng do Chủ tịch Liên đoàn bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo đề nghị của Tổng Thư ký.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Liên đoàn luật sư do Ban Thường vụ Liên đoàn quy định.

Điều 31. Các Ủy ban của Liên đoàn luật sư

1. Các Ủy ban của Liên đoàn luật sư gồm có:

a) Ủy ban bảo vệ quyền lợi luật sư;

b) Ủy ban giám sát đạo đức nghề nghiệp, khen thưởng, kỷ luật;

c) Ủy ban đào tạo, bồi dưỡng và xây dựng, phổ biến pháp luật;

d) Ủy ban hợp tác quốc tế;

đ) Các ủy ban khác do Hội đồng luật sư toàn quốc quyết định.

2. Ban Thường vụ Liên đoàn luật sư quyết định thành lập, quy định cụ thể về cơ cấu, tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của các Ủy ban của Liên đoàn.

CHƯƠNG IV

TÀI CHÍNH

Điều 32. Chế độ tài chính

Liên đoàn luật sư Việt Nam hoạt động theo nguyên tắc tự trang trải bằng nguồn thu từ phí thành viên và các nguồn thu hợp pháp khác.

Điều 33. Thu, chi tài chính

1. Nguồn thu tài chính của Liên đoàn luật sư gồm có:

- a) Phí thành viên;
- b) Các khoản thu từ hoạt động của Liên đoàn;
- c) Các khoản hỗ trợ của Nhà nước, tài trợ của cá nhân, tổ chức trong nước và ngoài nước;
- d) Các khoản thu hợp pháp khác.

2. Các khoản chi của Liên đoàn luật sư gồm có:

- a) Chi hoạt động thường xuyên của Ban Thường vụ, các Ủy ban chuyên môn và Văn phòng;
- b) Chi hoạt động nghiên cứu, thông tin, tuyên truyền, xuất bản;
- c) Chi xây dựng cơ sở hạ tầng, mua trang thiết bị làm việc; bảo trì, sửa chữa cơ sở vật chất, trang thiết bị;
- d) Chi lương, phụ cấp cho các chức danh lãnh đạo, quản lý và các nhân viên trong bộ máy của Liên đoàn; chi khen thưởng;
- đ) Chi hoạt động quan hệ quốc tế;
- e) Chi tổ chức Đại hội, các hội nghị;
- g) Chi thuê trụ sở (nếu có);
- h) Các khoản chi hợp lý khác.

Việc chi tiêu của Liên đoàn phải đảm bảo nguyên tắc chi đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật về tài chính.

Điều 34. Phí đăng ký tập sự hành nghề luật sư, phí gia nhập Đoàn luật sư, phí thành viên Đoàn luật sư, Liên đoàn luật sư

1. Khi đăng ký tập sự hành nghề luật sư, người tập sự hành nghề nộp một khoản phí cho Đoàn luật sư. Mức phí đăng ký tập sự hành nghề luật sư do Đại hội luật sư của Đoàn luật sư quy định.

2. Người được chấp nhận gia nhập Đoàn luật sư phải nộp một khoản phí cho Đoàn luật sư. Mức phí, các trường hợp được miễn, giảm phí gia nhập Đoàn luật sư do Đại hội luật sư của Đoàn luật sư quy định.

3. Luật sư phải đóng phí thành viên Đoàn luật sư. Mức phí thành viên Đoàn luật sư do Đại hội luật sư của Đoàn luật sư quy định.

4. Luật sư nộp phí thành viên Liên đoàn luật sư theo mức thống nhất do Hội đồng luật sư toàn quốc quy định. Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư có trách nhiệm thu phí thành viên Liên đoàn của các luật sư trong Đoàn và nộp đủ cho Liên đoàn theo thời hạn do Hội đồng luật sư toàn quốc quy định.

Điều 35. Quản lý tài chính, tài sản khác của Liên đoàn luật sư

1. Việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản khác của Liên đoàn luật sư được thực hiện theo quy định của pháp luật, các quy định cụ thể của Ban Thường vụ Liên đoàn luật sư.

2. Hàng năm, Ban Thường vụ Liên đoàn luật sư báo cáo Hội đồng luật sư toàn quốc tại kỳ họp của Hội đồng về tình hình tài chính của Liên đoàn luật sư năm trước và kế hoạch tài chính của Liên đoàn trong năm tới.

Hội đồng luật sư toàn quốc phê duyệt ngân sách tài chính theo báo cáo của Ban Thường vụ Liên đoàn luật sư.

CHƯƠNG V

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

Điều 36. Khen thưởng

1. Đoàn luật sư, tổ chức hành nghề luật sư, luật sư và các tổ chức, cá nhân khác có thành tích xuất sắc trong hoạt động luật sư, đối với sự nghiệp phát triển tổ chức, hoạt động luật sư thì được Liên đoàn luật sư khen thưởng, tặng danh hiệu vinh dự, hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Ban Thường vụ Liên đoàn luật sư quy định cụ thể về hình thức, đối tượng, tiêu chuẩn, thủ tục khen thưởng.

Điều 37. Kỷ luật đối với luật sư

1. Luật sư có hành vi vi phạm quy định của Luật Luật sư, Điều lệ Liên đoàn luật sư, Điều lệ Đoàn luật sư, Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư và các quy định khác của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật bằng một trong các hình thức sau đây:

- a) Khiển trách;
- b) Cảnh cáo;
- c) Tạm đình chỉ tư cách thành viên Đoàn luật sư từ 6 tháng đến 24 tháng;
- d) Xoá tên khỏi danh sách luật sư của Đoàn luật sư.

2. Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư có thẩm quyền xử lý kỷ luật bằng các hình thức quy định tại khoản 1 Điều này theo đề nghị của Hội đồng khen thưởng, kỷ luật của Đoàn luật sư.

3. Luật sư thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị xử lý kỷ luật bằng hình thức xoá tên khỏi danh sách luật sư của Đoàn luật sư:

- a) Bị tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề luật sư;
- b) Bị kết án và bản án đã có hiệu lực pháp luật;
- c) Vi phạm nghiêm trọng Điều lệ Liên đoàn luật sư, Điều lệ Đoàn luật sư, Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp của luật sư;
- d) Đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức tạm đình chỉ tư cách thành viên Đoàn luật sư mà trong thời hạn một năm kể từ ngày chấp hành xong quyết định kỷ luật, lại có hành vi vi phạm đến mức có thể bị xem xét xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo trở lên;
- đ) Sáu tháng liên tục không đóng phí thành viên Liên đoàn luật sư, phí thành viên Đoàn luật sư mà không có lý do chính đáng.

4. Hội đồng khen thưởng, kỷ luật xem xét, kết luận, đề xuất hình thức kỷ luật và đề nghị Ban chủ nhiệm Đoàn luật sư quyết định.

5. Điều lệ Đoàn luật sư quy định thủ tục xem xét và quyết định kỷ luật đối với luật sư theo hướng dẫn của Ban Thường vụ Liên đoàn luật sư.

Điều 38. Khiếu nại quyết định kỷ luật luật sư

1. Luật sư có quyền khiếu nại quyết định kỷ luật của Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư đối với mình.

Ban Thường vụ Liên đoàn luật sư có thẩm quyền giải quyết khiếu nại đối với quyết định kỷ luật của Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư. Khi giải quyết khiếu nại, Ban Thường vụ Liên đoàn luật sư có quyền giữ nguyên, sửa đổi hoặc huỷ bỏ quyết định kỷ luật của Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư; trong trường hợp sửa đổi hoặc huỷ bỏ quyết định kỷ luật của Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư, Ban Thường vụ Liên đoàn luật sư có quyền quyết định hình thức kỷ luật khác nhẹ hơn so với hình thức kỷ luật do Ban chủ nhiệm Đoàn luật sư đã quyết định; nếu muốn áp dụng hình thức kỷ luật nặng hơn thì Ban Thường vụ phải báo cáo Hội đồng luật sư toàn quốc xem xét, quyết định.

2. Hội đồng luật sư toàn quốc quy định thủ tục giải quyết khiếu nại kỷ luật luật sư.

3. Trong trường hợp phát hiện việc xem xét và quyết định kỷ luật luật sư của Đoàn luật sư vi phạm quy định của Luật Luật sư, Điều lệ Liên đoàn luật sư, Điều lệ Đoàn luật sư hoặc không đảm bảo tính khách quan, minh bạch, công bằng thì Ban Thường vụ Liên đoàn có quyền đình chỉ thi hành quyết định kỷ luật của Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư và yêu cầu Hội đồng khen thưởng, kỷ luật, Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư tiến hành các thủ tục xem xét lại việc kỷ luật đối với luật sư đó. Trong trường hợp quyết định kỷ luật lần thứ hai của Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư không thỏa đáng thì Ban Thường vụ Liên đoàn có quyền quyết định hình thức kỷ luật khác nhẹ hơn so với hình thức kỷ luật do Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư đã quyết định; nếu muốn áp dụng hình thức kỷ luật nặng hơn thì Ban Thường vụ phải báo cáo Hội đồng luật sư toàn quốc xem xét, quyết định.

Điều 39. Khiếu nại quyết định, hành vi của Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư, các cơ quan của Liên đoàn luật sư

1. Cá nhân, tổ chức có quyền khiếu nại đối với quyết định, hành vi của Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư, các cơ quan của Liên đoàn luật sư khi có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó là xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

2. Ban Thường vụ Liên đoàn luật sư có thẩm quyền giải quyết khiếu nại đối với quyết định, hành vi của Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư, các cơ quan của Liên đoàn luật sư.

3. Hội đồng luật sư toàn quốc quy định thủ tục giải quyết khiếu nại đối với quyết định, hành vi của Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư, các cơ quan của Liên đoàn luật sư.

Điều 40. Tố cáo

1. Cá nhân có quyền tố cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Liên đoàn luật sư, Đoàn luật sư về các hành vi vi phạm quy định của Luật Luật sư và quy định của Điều lệ này.

2. Việc giải quyết tố cáo tuân theo quy định của pháp luật về tố cáo.

CHƯƠNG VI

QUAN HỆ GIỮA LIÊN ĐOÀN LUẬT SƯ VỚI CƠ QUAN NHÀ NƯỚC VÀ CÁC TỔ CHỨC KHÁC

Điều 41. Quan hệ giữa Liên đoàn luật sư với Bộ Tư pháp

Liên đoàn luật sư phối hợp với Bộ Tư pháp trong công tác quản lý luật sư và hành nghề luật sư theo quy định của Luật Luật sư và Điều lệ này trên cơ sở bảo đảm nguyên tắc kết hợp quản lý nhà nước với phát huy vai trò tự quản của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư, nhằm mục tiêu phát triển, nâng cao chất lượng của đội ngũ luật sư, chất lượng dịch vụ pháp lý của luật sư, bảo đảm việc tuân theo pháp luật, Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp của luật sư.

Điều 42. Quan hệ của Liên đoàn luật sư với các cơ quan tiến hành tố tụng

Liên đoàn luật sư phối hợp chặt chẽ với các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc tạo điều kiện bảo đảm quyền, nghĩa vụ của luật sư khi tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Điều 43. Quan hệ giữa Liên đoàn luật sư với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Liên đoàn luật sư Việt Nam là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, có nghĩa vụ, quyền lợi theo quy định của Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Điều 44. Quan hệ giữa Liên đoàn luật sư với Hội luật gia Việt Nam, các cơ quan, tổ chức khác

Liên đoàn luật sư phối hợp chặt chẽ với Hội luật gia Việt Nam, các cơ quan, tổ chức khác về những vấn đề liên quan đến tổ chức, hoạt động luật sư

nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Liên đoàn luật sư, Đoàn luật sư, tổ chức hành nghề luật sư và việc hành nghề của các luật sư; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các luật sư và tổ chức luật sư.

CHƯƠNG VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 45. Hiệu lực thi hành

Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam gồm 7 chương 46 điều đã được Đại hội Đại biểu luật sư toàn quốc lần thứ I thông qua ngày 10 tháng 5 năm 2009 và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Trường hợp có sự thay đổi của pháp luật làm cho Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam trái với quy định của pháp luật thì thực hiện theo quy định của pháp luật.

Căn cứ Luật Luật sư, Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam, Đoàn luật sư các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành Điều lệ của Đoàn mình. Điều lệ Đoàn luật sư cụ thể hóa các quy định của Điều lệ Liên đoàn luật sư về những vấn đề có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Đoàn luật sư và không được trái với quy định của Điều lệ Liên đoàn luật sư.

Điều 46. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Liên đoàn luật sư

Chỉ có Đại hội đại biểu luật sư toàn quốc mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ Liên đoàn luật sư. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải được ít nhất hai phần ba số đại biểu tham dự Đại hội biểu quyết tán thành.

Ban Thường vụ Liên đoàn luật sư có trách nhiệm hướng dẫn và giám sát việc thực hiện Điều lệ này./